TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 294/2026/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 02 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 414/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trần Công M, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Tổ C, thôn H, xã T, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Phan Thị Mỹ H, sinh năm: 1994. Địa chỉ: Số I đường T, tổ A, phường T, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Công M và bà Phan Thị Mỹ H kết hôn với nhau vào năm 2022 có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 18/4/2022) nay là UBND phường T, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, ông M và bà H về chung sống tại địa chỉ: Số I đường T, tổ A, phường T, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống đến đầu năm 2026 thì ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp, vợ chồng không có trách nhiệm với nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, kể từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến nay thì ông M và bà H đã tự động sống ly thân với nhau phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Xét thấy, ông Trần Công M và bà Phan Thị Mỹ H đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn gia đình ông M và bà H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về con chung: Ông Trần Công M và bà Phan Thị Mỹ H xác nhận có 01 con chung tên là Trần Phan Thảo M1, sinh ngày 19/9/2023. Ly hôn vợ chồng thống nhất thoả thuận: Bà Phan Thị Mỹ H là người nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Phan Thảo M1 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Trần Công M tự nguyện

cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 15 hằng tháng, bắt đầu từ tháng 07 năm 2026.

Ông M và bà H tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con chung của ông bà.

Bên không nuôi con vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Ông Trần Công M và bà Phan Thị Mỹ H xác nhận không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Ông Trần Công M và bà Phan Thị Mỹ H xác nhận không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Công M và bà Phan Thị Mỹ H thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Bà Phan Thị Mỹ H nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên là Trần Phan Thảo M1, sinh ngày 19/9/2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Trần Công M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 15 hằng tháng, bắt đầu từ tháng 07 năm 2026.

Kể từ ngày bà Phan Thị Mỹ H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Trần Công M không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thoả thuận thì hàng tháng ông Trần Công M còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Bên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Công M và bà Phan Thị Mỹ H xác nhận không có tài sản chung.

- Về quan hệ nợ chung: Ông Trần Công M và bà Phan Thị Mỹ H xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) ông Trần Công M và bà Phan Thị Mỹ H tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà ông Trần Công M và bà Phan Thị Mỹ H đã nộp theo biên lai thu số 0005946 ngày 04 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông Trần Công M và bà Phan Thị Mỹ H đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 36, 72 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND khu vực 3;*
- *THADS khu vực 3;*
- *THADS.tp Đà Nẵng;*
- *UBND phường Thanh Khê;*
- *Lưu*.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thu Trang

TAND KHU VỰC 3

WMW020726.TL.QDBA
1815